TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 07/3/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lý Thị Trúc Linh

2/ Ông Trần Trọng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 211/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Đoàn Thị Hồng T;** sinh năm: 1978; địa chỉ: C khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: A Đường số C Khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà **Huỳnh Thị D,** sinh năm 1997, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: A Đường số C Khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: 1/ Ông **Trần Nhật T1,** sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà **Lê Thị Hằng V**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Quang P,** sinh năm: 1979, địa chỉ: C khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: A Đường số C Khu dân cư S, khu phố M,phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà **Huỳnh Thị D,** sinh năm 1997, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: A Đường số C Khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Bà D, ông T1 có mặt tại phiên tòa, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 10/7/2023, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D trình bày:

Từ cuối năm 2015, vợ chồng ông P, bà T có cho ông Trần Nhật T1 và bà Lê Thị Hằng V vay nhiều lần tiền. Số tiền cụ thể mỗi lần vay do thời gian đã quá lâu nên hiện ông P, bà T không còn nhớ rõ. Mỗi lần vợ chồng ông T1 vay thêm ông P, bà T sẽ cộng vào số tiền đã vay trước đó và chốt nợ đến lần vay cuối cùng với tổng số tiền 520.000.000 đồng. Các bên không có thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào vợ chồng bà T có nhu cầu thì ông T1, bà V sẽ trả lại tiền. Tuy nhiên, sau đó, bà T, ông P có nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông T1 cứ tránh, không trả tiền. Ngày 29/7/2022, ông P có đến gặp vợ chồng ông T1 để yêu cầu trả nợ thì bà V có hứa cuối tháng 12/2022 sẽ trả lại tiền, ông T1 cũng có hứa trả và xác nhận còn nợ 520.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng bà T rất nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vào ngày 13/4/2023, ông T1, bà V có chuyển trả ông P, bà T số tiền 127.000.000 đồng.

Việc ông T1 cho rằng bà T hứa bồi thường xe cho ông T1 220.000.000 đồng là không đúng. Theo bà T, bà được biết là ông T1 và bà V nợ rất nhiều người và do khoản vay của bà kéo dài từ năm 2015, 2016 cho đến nay nên bà có hứa nếu ông T1 và bà V trả cho bà 01 lần của số tiền 520.000.000 đồng thì bà T đồng ý cho lại ông T1, bà V số tiền 220.000.000 đồng. Nhưng đến nay ông T1, bà V không thực hiện việc trả nợ cho bà, đồng thời việc bà hứa cho ông T1, bà V 220.000.000 đồng chưa được sự đồng ý của ông P. Nay, ông P và bà T yêu cầu ông T1 và bà V có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 393.000.000 đồng và lãi như sau sau:

Lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/4/2023 của số tiền 520.000.000 đồng với mức 0,83% là 14.674.000 đồng và lãi từ ngày 14/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm của số tiền 393.000.000 đồng mức lãi suất 0,83% tạm tính đến ngày 07/3/2024 với số tiền lai là 35.531.000 đồng.

Theo bản tự khai, biên bản làm việc ngày 27/10/2023, bị đơn ông Trần Nhật T1 trình bày:

Ông và ông P, bà T có làm ăn hơn 10 năm nay, quá trình làm ăn đến đầu năm 2010 ông có mượn bà T, ông P nhiều lần tiền. Ông có nhiều lần chuyển khoản trả tiền lãi và vốn cho bà T. Đến ngày 29/7/2022 ông và ông P, bà T có chốt nợ, ông nợ bà T, ông P 520.000.000 đồng; số tiền nợ 520.000.000 đồng là tiền ông mượn nhiều lần trước đó, nhưng không có chốt nợ bằng giấy tờ mà chốt qua điện thoại.

Ngày 14/03/2023, bà T có cho người lấy xe biển số 71C-03062 của ông ông có yêu cầu bà T bồi thường về việc lấy xe. Bà T đồng ý bồi thường 220.000.000 đồng, ông còn nợ lại 300.000.000 đồng. Sau đó, ông nhiều lần chuyển trả tiền nợ cho bà T là 127.000.000 đồng, còn nợ lại 173.000.000 đồng**.** Nay trước yêu cầu của bà T ông đồng ý trả 173.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Lê Thị Hằng V vắng mặt trình bày:*

Tại phiên Tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bà V chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Nhật T1 và Lê Thị Hằng V phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị Hồng T và ông Nguyễn Quang P số tiền nợ vốn là 393.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng của khoản tiền 520.000.000 đồng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/4/2023; lãi suất 393.000.000 đồng từ ngày 14/4/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ trông chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ tranh chấp giữa bà Đoàn Thị Hồng T và ông Trần Nhật T1, bà Lê Thị Hằng V là trông chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Nhật T1, bà Lê Thị Hằng V cùng có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị H Vững vắng mặt trong vụ án; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị H Vững là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà Đoàn Thị Hồng T yêu cầu ông Trần Nhật T1 và bà Lê Thị Hằng V liên đới trả số tiền nợ vay 393.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên

tòa, ông T1 đều trình bày thống nhất việc vay mượn của bà T số tiền 520.000.000 đồng, đã trả được 127.000.000 đồng, còn nợ lại 393.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình vay, ông T1, bà V nhiều lần vi phạm trách nhiệm trả tiền theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của bà T đối với số tiền nợ vay là phù hợp với Điều 463,466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 thừa nhận ông và bà V có vay của ông P, bà T nhiều lần tiền không có viết giấy nợ. Việc vay mượn có lãi, nhưng do việc đóng lãi quá lâu ông không có chứng cứ chứng minh nên ông không yêu cầu xem xét về khoản lãi đã đóng cho ông P, bà T. Đến ngày 29/7/2022 giữa ông T1, bà V và ông P, bà T có chốt nợ. Ông T1, bà V có nợ ông P, bà T số tiền 520.000.000 đồng và hứa đến cuối tháng 12/2022 trả tất nợ nhưng chưa thực hiện đến ngày 14/3/2023, ông T1 có chuyển trả cho ông P, bà T số tiền 127.000.000 đồng và còn nợ lại 393.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ Lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/4/2023 của số tiền 520.000.000 đồng với mức 0,83% là 14.674.000 đồng và lãi từ ngày 14/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm của số tiền 393.000.000 đồng mức lãi suất 0,83% tạm tính đến ngày 07/3/2024 với số tiền lãi là 35.531.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu liên đới: Tại phiên tòa, ông T1 thừa nhận, chữ viết và chứ ký tại bút lục 161 có nội dung "*Hôm nay ngày 29/7/2022 vợ chồng T1 hứa với ông P đến hết tháng 12/2022 trả lại số tiền cho ông P"* là do bà V viết và ký tên. Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà V biết nhưng bà V không phản hồi. Ông T1, bà V là vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc bà V có trách nhiệm liên đới với ông T1 trả cho bà T và ông P số tiền nợ vay nêu trên.

[2.] Đối với lời trình bày của ông Trần Nhật T1 cho rằng có nợ bà T số tiền 520.000.000 đồng. Sau đó, ông nhiều lần chuyển trả tiền nợ cho bà T là 127.000.000 đồng, còn nợ lại 393.000.000 đồng và bà T đồng ý bồi thường 220.000.000 đồng về việc cho người lấy xe tải mang biển kiểm soát 71C-03062, do đó ông chỉ còn nợ bà T, ông P số tiền 173.000.000 đồng. Trước yêu cầu của bà T, ông P ông chỉ đồng ý trả 173.000.000 đồng và lãi theo qui định của pháp luật**.** Đối với lời trình bày của ông T1, bà T và ông P không thừa nhận. Bà T cho rằng có hứa cho ông T1 220.000.000 đồng là khi ông T1, bà V trả nợ đúng hẹn vào cuối tháng 12/2022 nhưng ông T1 và bà V không thực hiện, còn việc hứa bồi thường về việc lấy xe tải mang biển kiểm soát 71C-03062 là không có bà không thừa nhận. Tòa án đã hướng dẫn ông T1 làm đơn phản tố, đóng tạm ứng theo qui định của pháp luật nhưng đến nay ông T1 không thực hiện. Do đó, không có căn cứ xét yêu cầu phản tố của ông T1. Nếu ông T1 nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà T, ông P được chấp nhận nên ông T1 và bà V phải bàu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án là: 443.205.000đ (20.000.000đ + 4% của phần có giá trị có trông chấp vượt 400.000.000đ) = 21.728.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 25, 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4, Điều 15, 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Hồng T và ông Nguyễn Quang P.

Buộc ông Trần Nhật T1 và bà Lê Thị Hằng V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị Hồng T ông Nguyễn Quang P số tiền nợ vay 443.205.000đ(Bốn trăm bốn mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng), gồm vốn gốc 393.000.000đ (Ba trăm chín mươi ba triệu đồng) và lãi 50.205.000đ (Năm mươi triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Nhật T1 và bà Lê Thị Hằng V phải liên đới bàu án phí là 21.728.000đ (Hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng).

+ Bà Đoàn Thị Hồng T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.917.000đ (Mười hai triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000777 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Tống Nê	**Nguyễn Thông Vân**	**Phan Thị Mỹ Hạnh**